**TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**

**TỔ: SỬ- ĐỊA- CD**

**BẢNG ĐẶC TẢ - MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II – NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ 11 – THỜI GIAN: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Ghi chú** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **A. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ** | **A.1.** Kinh tế Hoa Kỳ. | 5 |  | 4 |  |  | 1 (a\*) |  | 1 (b\*) |  |
| **2** | **B. Liên bang Nga** | **B.1.** Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga.  **B.2.** Kinh tế Liên bang Nga. | 5 |  | 5 |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **C. Nhật Bản** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản | 4 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **D. Kĩ năng** | Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích biểu đồ; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ. | 2 |  |  |  |  | 1 (a\*) |  | 1 (b\*) |  |
| **Tổng hợp chung** | | | **40% = 4,0 điểm** | | **30% = 3,0 điểm** | | **20% = 2,0 điểm** | | **10% = 1,0 điểm** | |  |

(a\*): Giáo viên có thể ra câu hỏi ở cùng mức độ vào một trong các nội dung có kí hiệu (a\*).

(b\*): Giáo viên có thể ra câu hỏi ở cùng mức độ vào một trong các nội dung có kí hiệu (b\*).

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2- NH: 2023 - 2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ 11**

| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **1** | **A. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ** | **A.1.** Kinh tế Hoa Kỳ. | **Nhận biết**  - Trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ).  - Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu ngành nền kinh tế Hoa Kì.  **Thông hiểu**  - Trình bày được sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì.  **Vận dụng**  – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.  – Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích.  **Vận dụng cao**  – Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới. | 6 | 4 | 1 (a\*) | 1 (b\*) |
| **2** | **B. Liên bang Nga** | **B.1.** Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Liên bang Nga.  **B.2.** Kinh tế Liên bang Nga. | **Nhận biết**  - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội  – Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế.  **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  **Vận dụng**  – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu, tháp tuổi.  – Vẽ được biểu đồ, rút ra được các nhận xét về phát triển công nghiệp khai thác dầu khí. | 5 | 5 | 1 (a\*) |  |
| **3** | **C. Nhật Bản** | Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội Nhật Bản | **Nhận biết**  - Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; dân cư, xã hội  **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  **Vận dụng**  – Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.  – Vẽ được biểu đồ, nhận xét. | 3 | 3 |  |  |
| **4** | **D. Kĩ năng** | Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích biểu đồ; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ. | **\* Nhận biết**  Nhận xét được bảng số liệu.  **\* Thông hiểu**  Chọn được dạng biểu đồ thích hợp.  **\* Vận dụng**  - Vẽ biểu đồ.  **\* Vận dụng cao**  - Nhận xét và giải thích được biểu đồ. | 2 |  | 1 (a\*) | 1 (b\*) |
| Số câu/ loại câu | | |  | 16 câu TNKQ | 12 câu TNKQ | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| **Tổng hợp chung** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

(a\*): Giáo viên có thể ra câu hỏi ở cùng mức độ vào một trong các nội dung có kí hiệu (a\*).

(b\*): Giáo viên có thể ra câu hỏi ở cùng mức độ vào một trong các nội dung có kí hiệu (b\*).